

Bản án số: 253/2024/HS-PT
Ngày: 31-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**
Ông **Phạm Tồn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 31-5-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 179/2024/TLPT-HS ngày 02-4-2024 đối với bị cáo Nguyễn Quỳnh Trâm K và bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 27-02-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Quỳnh Trâm K, sinh ngày 16-10-1994, tại Đà Nẵng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số F T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; chồng là Hồ Thanh P (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21-9-2023; đến ngày 27-10-2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Gia T1 (tên gọi khác: K1), sinh ngày 11-8-2002 tại Hà Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H (không rõ năm sinh, nơi ở) và bà Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 1977.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21-9-2023; đến ngày 27-10-2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:*

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quỳnh Trâm K:

Luật sư Nguyễn Phan Huyền T2 - Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia T1:

Luật sư Dương Thị Mai H2 - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Ngọc Kim N, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Số F L, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị Cẩm H3, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số B C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

(Vụ án có 03 người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu xài và trả nợ cá nhân, từ đầu năm 2019 đến tháng 4-2022, Nguyễn Quỳnh T3 Khanh nhiều lần đưa ra thông tin gian dối, đặt làm giả và sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Nguyễn Gia T1 biết rõ mục đích của K nhưng vẫn nhiều lần giúp K thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt của chị Nguyễn Ngọc Kim N 967.900.000 đồng:

Nguyễn Quỳnh Trâm K quen biết với chị Nguyễn Ngọc Kim N từ năm 2017 và thường xuyên gặp nhau. Năm 2018, K cho chị N biết, K được mẹ chồng (bà Đoàn Thị Thanh M) mua cho một căn hộ dành cho người thu nhập thấp tại chung cư A (Blue house) địa chỉ đường N, thành phố Đà Nẵng với giá 500.000.000 đồng và 250.000.000 đồng tiền “Lót tay”. Đến tháng 3-2019, K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị N, nên đưa thông tin gian dối mẹ chồng K đang có 01 suất mua căn hộ dành cho người thu nhập thấp tại Dự án Chung cư A (do Liên doanh Công ty cổ phần Đ và Công ty Đ1 làm chủ đầu tư) bằng với giá và tiền lót tay như mẹ chồng K đã mua.

Chị N tin là thật, nên đã nhờ K giúp mua 01 căn hộ. K đặt làm giả các tài liệu mạo danh Sàn Giao dịch BĐS Đà Nẵng Công ty cổ phần Đ1 từ đối tượng (không rõ lai lịch) để tạo dựng lòng tin. Kết hợp với các thủ đoạn khác như mạo danh người tên Nguyễn Thị T4 - Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đ; mạo danh Cao Trung H4 - Trưởng Ban quản lý dự án Công ty cổ phần Đ để liên hệ với chị N; thông đồng với Nguyễn Gia T1 để giúp K tạo tài khoản Zalo Cao Trung H4 và sử dụng thông tin các tài khoản Ngân hàng đứng tên người khác cung cấp cho chị N chuyển khoản rồi chiếm đoạt tổng số tiền 967.900.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01-4-2019, K yêu cầu chị N chuyển tiền để đưa tiền lót tay rồi cung cấp thông tài khoản của mẹ chồng của K để chị N chuyển 150.000.000 đồng vào số tài khoản 0041000258860 tên Đoàn Thị Thanh M mở tại Ngân hàng V1. Sau khi nhận tiền, bà M chuyển lại vào tài khoản V1 số 00410002854410 của K 50.000.000 đồng, đưa tiền mặt 100.000.000 đồng cho K.

Lần 2: Ngày 12-8-2019, tại quán cà phê trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, K yêu cầu N nộp 100.000.000 đồng mua căn hộ và đưa thêm tiền lót tay 50.000.000 đồng, chị N đã đưa cho K 150.000.000 đồng. Khoảng 03 tuần sau, K đưa cho chị N 01 Phiếu thu 100.000.000 đồng đặt cọc mua căn hộ An Trung 2 số CH7C12 giả chữ ký đứng tên ông Đàm Quang V - Giám đốc và đóng dấu Sàn Giao dịch BĐS Đà Nẵng Công ty cổ phần Đ1 ghi ngày 12-8-2019, mặt sau Phiếu thu giả nội dung ghi: *“Hôm nay ngày 12-8-2019 em Cao Trung H4 có nhận của chị M 150.000.000 đồng để đặt cọc căn hộ An Trung; kí tên: Cao Trung H4”*.

Lần 3: Tháng 11-2019, K yêu cầu chị N đóng tiền đợt 2, với số tiền 264.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, K đặt G chuyển đến nhà cho chị N (số F L, thành phố Đà Nẵng) 01 Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội Chung cư A - Căn hộ số 7C12 tầng 7 Block B và 01 Phiếu thu số tiền 264.000.000 đồng, giả chữ ký đứng tên ông Đàm Quang V - Giám đốc và đóng dấu Sàn Giao dịch BĐS Đà Nẵng Công ty cổ phần Đ1.

Lần 4: Đến tháng 02-2022, do quá lâu không nhận được thông tin căn hộ đã đặt mua trước đó, nên chị N nói K gửi lại bộ Hợp đồng hoàn chỉnh và Phiếu thu ban đầu. K đã đưa lại 01 Phiếu thu giả viết lại nội dung nộp 100.000.000 đồng đề ngày 12-8-2019 (vì chị N có nói với K phiếu thu ban đầu đã bị mất). Cùng thời gian này, K bàn bạc với Nguyễn Gia T1 (là người bạn chung của chị N và K) để lấy uy tín của T1 đối với chị N tiếp tục chiếm đoạt tiền của chị N thông qua hình thức mượn tiền. T1 đồng ý và liên hệ chị N để mượn tiền, hứa hẹn trả nhưng nhằm chiếm đoạt, tưởng thật chị N chuyển khoản 150.000.000 đồng vào tài khoản của vào T1 (số tài khoản 0881008278017 mở tại Ngân hàng A2).

Tháng 3-2022, K được T1 giúp để tạo ra tài khoản Zalo giả danh tên là Cao Trung H4 theo số điện thoại 0947267433; đồng thời, K sử dụng số điện thoại 0901925767 giả danh Nguyễn Thị T4 - Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đ để tiếp tục liên hệ với chị N nhằm chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức mua bán căn hộ chung cư. T1 biết K đang lừa chị N qua hình thức này, nhưng vẫn giúp sức cho K tiếp tục chiếm đoạt tiền của chị N.

Lần 5: Ngày 05-3-2022, K giả danh Cao Trung H4 nhắn tin gợi ý chị N gửi 50.000.000 đồng để đổi sang căn hộ tầng trệt 01B03. Tưởng thật, sáng ngày 16-3-2022, chị N đem 50.000.000 đồng bỏ vào phong bì và đến Tòa nhà Vĩnh Trung P1 255-257 H để nhận lại hợp đồng mới. Tại đây K đã thuê G đợi sẵn để nhận tiền rồi đưa 01 Hợp đồng mua bán căn hộ giả số 01/B74/HĐMBCH (căn hộ S, tầng 1 Block B) và Phụ lục thay đổi thông tin Hợp đồng giả và Biên bản bàn giao căn hộ giả có chữ ký đứng tên Đàm Quang V - Giám đốc và đóng dấu Sàn Giao dịch BĐS Đà Nẵng Công ty cổ phần Đ1.

Lần 6: Sáng 17-3-2022, K dùng zalo Cao Trung H4 và số điện thoại giả danh T4 - Kế toán trưởng để yêu cầu chị N nộp phí căn hộ đợt cuối là 129.900.000 đồng mới đủ điều kiện để nộp đơn qua Sở Xây dựng phê duyệt căn hộ; còn T1 giúp K mượn thông tin số tài khoản 0041000231374 của chị Nguyễn Thị T4 (bạn của T1) mở tại Ngân hàng V1 để đưa cho K cung cấp cho chị N chuyển tiền.

Tin là thật, chị N đã chuyển vào số tài khoản của Nguyễn Thị T4 số tiền 129.900.000 đồng và ghi nội dung: “*Ngan ck tien con lai can ho so ma hd 01b74hdmcbch*”. Cùng thời gian này, Nguyễn Gia T1 liên hệ với chị Nguyễn Thị T4 qua tin nhắn Facebook để hỏi thúc Nguyễn Thị T4 chuyển tiền lại cho mình. Khi chị N chuyển khoản 129.900.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Thị T4, thì cùng ngày số tiền này được chuyển vào tài khoản của Nguyễn Gia T1 (số tài khoản 0881008278017 mở tại Ngân hàng A2) 130.000.0000 đồng. Ngay sau đó, T1 chuyển vào tài khoản của số 227733489 Khanh mở tại Ngân hàng V2 85.000.000 đồng. Đến ngày 18-3-2022, K đưa cho chị N 01 Phiếu thu số tiền 129.900.000 đồng, giả chữ ký đứng tên Đàm Quang V - Giám đốc và đóng dấu Sàn Giao dịch BDS Đà Nẵng Công ty cổ phần Đ1 và chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T4 - Kế toán.

Lần 7: Ngày 20-3-2022, K dùng Zalo Cao Trung H4 gợi ý chị N chuyển khoản thêm 5.000.000 đồng vào tài khoản tên T4 (người Ngân nghĩ là Kế toán trưởng) để nhờ xét duyệt hồ sơ nhanh chóng. Tưởng thật, chị N chuyển vào tài khoản tên Nguyễn Thị T4 5.000.000 đồng, ghi nội dung là: “*Ngan cam on c trang*”. Cùng ngày, số tiền này được chuyển vào tài khoản của Nguyễn Gia T1.

Lần 8: Ngày 21-3-2022, K dùng Zalo Cao Trung H4 đưa thông tin là có người muốn mua lại căn hộ của chị N với giá 1.200.000.000 đồng, đốc thúc chị N đóng tiền lệ phí sang tên trên hợp đồng mua căn hộ cho T4 - Kế toán trưởng, tổng tiền lệ phí sang tên trên hợp đồng mua căn hộ là 26.000.000 đồng, mỗi bên chuyển một nửa. Lúc này, Nguyễn Gia T1 dùng tài khoản của mình chuyển 13.000.000 đồng vào STK: 19035409354016 của Hồ Trần Duy A rồi nhờ Hồ Trần Duy A chuyển lại số tiền này vào tài khoản của Nguyễn Thị T4, T1 chụp màn hình chuyển tiền để gửi cho K qua Facebook; còn K mạo danh H4 gửi hình ảnh chuyển khoản này cho chị N qua Z. Tưởng thật, chị N chuyển 13.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Thị T4 và ghi nội dung là: “*Ngan nop nua phi doi ten hdmcb can 01b03*”. Cùng thời gian này, Nguyễn Gia T1 liên hệ với Nguyễn Thị T4 qua tin nhắn Facebook để hỏi thúc Nguyễn Thị T4 chuyển tiền lại cho mình, nên khi Nguyễn Thị T4 nhận 26.000.000 đồng đã chuyển khoản lại cho Nguyễn Gia T1, T1 chuyển khoản lại cho K 10.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 22-3-2022, K giả danh T4 - Kế toán trưởng nhắn tin cho chị N là người nhà của T4 sẽ mua lại căn hộ với giá 1.450.000.000 đồng, tin tưởng là thật, chị N đồng ý; đồng thời, K dùng Zalo Cao Trung H4 nhắn tin thông báo cho chị N đã dừng việc thay đổi tên chủ sở hữu căn hộ, nên người mua yêu cầu chị N đền tiền cọc. Tưởng thật, chị N chuyển vào tài khoản của Hồ Trần Duy A 26.000.000 đồng để đền C. Sau khi Hồ Trần Duy A nhận 26.000.000 đồng, Nguyễn Gia T1 nhờ Hồ Trần Duy A chuyển khoản lại cho mình. Ngày 23-3-2022, T1 chuyển vào tài khoản của K 19.000.000 đồng.

Lần 10: Tiếp theo, K dùng Zalo Cao Trung H4 thông báo cho chị N biết là người nhà của T4 - Kế toán trưởng đang có đơn kiện vợ chồng N tại Sở Xây dựng về mua bán trái phép chung cư thu nhập thấp rồi tư vấn cho chị N thương lượng với T4- Kế toán trưởng. Tưởng thật, chị N nhắn tin thương lượng gửi 300.000.000 đồng để T4 - Kế toán trưởng lo việc rút đơn kiện; ngày 24-3-2022, chị N chuyển vào tài khoản tên Nguyễn Thị T4 10.000.000 đồng, ngày 25-3-2022 chuyển tiếp 20.000.000 đồng. Do chị N nghĩ trước đó (ngày 15-02-2022) có chuyển khoản cho Nguyễn Gia T1 vay 150.000.000 đồng, nên nói T1 trả nợ và nhờ T1 chuyển 174.200.000 đồng (có tính tiền lãi) chuyển vào tài khoản của T4 để trừ nợ. Sau đó, K giả danh T4 - Kế toán trưởng xác nhận với chị N, với nội dung “*Em chuyển chị thêm tiền cho chị hả em*”, nên N tin là thật. Một mặt, T1 gửi nội dung tin nhắn giả xác nhận chuyển khoản của Ngân hàng số tiền 174.200.000 đồng qua Facebook cho chị N, nhưng thực tế, T1 không chuyển 174.200.000 đồng như đã xác nhận với chị N. Cùng thời gian này, Nguyễn Gia T1 liên hệ với Nguyễn Thị T4 qua tin nhắn Facebook để hỏi thúc Nguyễn Thị T4 chuyển tiền lại cho mình. Nguyễn Thị T4 đã chuyển toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Gia T1. T1 chuyển lại cho K 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền K chiếm đoạt của N là 967.900.000 đồng; trong đó, Nguyễn Gia T1 cùng K thực hiện từ lần thứ 4 đến lần thứ 10, chiếm đoạt của chị N số tiền là 403.900.000 đồng. Đến nay, K và T1 đã tác động gia đình khắc phục trả lại cho chị N tổng số tiền 803.900.000 đồng. Số tiền còn lại, chị N không yêu cầu bồi thường và đã có đơn bãi nại cho K và T1.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt của chị Đặng Thị Cẩm H3 số tiền 8.000.000 đồng.

Tháng 4-2022, K hỏi vay tiền của chị Đặng Thị Cẩm H3 là người quen của K. Ngày 30-4-2022, chị H3 đến khu vực Tòa nhà Đà Nẵng P đường T, thành phố Đà Nẵng để gặp và cho K vay tiền. Tại đây, K đưa cho chị H3 01 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CB737301, được K đặt làm giả trên mạng Internet trước đó từ đối tượng không rõ lai lịch rồi viết Giấy vay 8.000.000 đồng. Tưởng thật, chị H3 nhờ bạn là Nguyễn Thị T5 chuyển vào tài khoản của K số 227733489 mở tại Ngân hàng V2 8.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt, ngày 06-5-2022 đến ngày 16-5-2022, K đã chuyển trả cho chị H3 tổng cộng 4.200.000 đồng.

Đến nay, K đã tác động gia đình khắc phục trả lại cho chị H3 số tiền còn lại là 3.800.000 đồng. Chị H3 có đơn bãi nại cho K.

Vật chứng thu giữ:

- Tạm giữ của chị Nguyễn Ngọc Kim N các tài liệu sau: 02 “Phiếu thu” ghi ngày 12-8-2019; 01 (một) “Phiếu thu” ghi năm 2019; 01 (một) “Phiếu thu” ghi năm 2022, quyển số 3; 01 (một) “Thỏa thuận đặt cọc” số 147/2017/TTĐT-SGD, không ghi ngày tháng năm (gồm 03 tờ); 01 (một) “Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội” ghi năm 2019, kèm theo “Phụ lục 1 Danh mục vật liệu bên trong và ngoài” (gồm 10 tờ); 01 (một) “Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội” số 01/B74/HĐMBCH, ghi tháng 3-2022 (gồm 03 tờ); 01 (một) “Phụ lục thay đổi thông tin hợp đồng” (kèm theo hợp đồng số 01B74 ký tháng 3-2022); 01 (một) “Biên bản bàn giao căn hộ” ghi năm 2022 (gồm 03 tờ)

- Tạm giữ của chị Đặng Thị Cẩm H3: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB737301; 01 (một) Giấy mượn số tiền 8.000.000 đồng do Nguyễn Quỳnh Trâm K viết.

Ngoài các tài liệu do các bị hại giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ còn thu giữ các tài liệu sau:

- Sao kê tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Ngọc Kim N, Nguyễn Quỳnh Trâm K, Nguyễn Gia T1, Nguyễn Thị T4, Hồ Trần Duy A, Đoàn Thị Thanh M.

- 01 tập vi bằng 52 trang được lập bởi thừa phát lại Nguyễn Đức H5 (A P, quận H, thành phố Đà Nẵng) do Nguyễn Ngọc Kim N giao nộp thể hiện nội dung tin nhắn Zalo, điện thoại, Facebook giữa chị N với Nguyễn Quỳnh Trâm K, H4, Nguyễn Gia T1, Nguyễn Thị T4; 139 hình ảnh chụp màn hình điện thoại (in trên giấy A4) thể hiện nội dung tin nhắn Zalo với “A Hiếu Chung Cư A1...”; 79 ảnh chụp màn hình điện thoại (in trên giấy A4) thể hiện nội dung tin nhắn điện thoại với “C Trang Ktt Đức M1”.

- 60 hình ảnh chụp màn hình điện thoại (in trên giấy A4) thể hiện nội dung tin nhắn Facebook giữa tài khoản “Thuận N1” và Trang N2”, do Lê Thị Minh T6 giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu S Zflip 4 của Nguyễn Quỳnh Trâm K (đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Quỳnh Trâm K).

- 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max của Nguyễn Gia T1 (đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Gia T1).

Tại các Kết luận Giám định tài liệu số 104/KLGD ngày 06-10-2022, số: 495/KLGD ngày 14-6-2023 và số: 710/KLGD ngày 16-8-2023, Phòng K2 Công an thành phố Đ kết luận:

- Chữ ký đứng tên ông Đàm Quang V - Giám đốc và hình dấu Sàn Giao dịch BĐS Đà Nẵng Công ty cổ phần Đ1 trên các tài liệu gồm: 02 “Phiếu thu” ghi ngày 12-8-2019; 01 (một) “Phiếu thu” ghi năm 2019; 01 (một) “Phiếu thu” ghi năm 2022, quyền số 3; 01 (một) “Thỏa thuận đặt cọc” số 147/2017/TTĐT- SGD, không ghi ngày tháng năm (gồm 03 tờ); 01 (một) “Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội” ghi năm 2019, kèm theo “Phụ lục 1 Danh mục vật liệu bên trong và ngoài” (gồm 10 tờ); 01 (một) “Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội” số 01/B74/HĐMBCH, ghi tháng 3-2022 (gồm 03 tờ); 01 (một) “Phụ lục thay đổi thông tin hợp đồng” (kèm theo hợp đồng số 01B74 ký tháng 3-2022); 01 (một) “Biên bản bàn giao căn hộ” ghi năm 2022 (gồm 03 tờ) **đều là giả**. Hình dấu giả từ 01 con dấu đóng ra.

- Nội dung chữ viết trên các Phiếu thu và các Hợp đồng trên (trừ chữ viết và chữ ký của bên mua) do Nguyễn Quỳnh Trâm K viết ra.

- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CB737301 là giả.

- Giấy mượn tiền 8.000.000 đồng do Nguyễn Quỳnh Trâm K viết và ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 27-02-2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Quỳnh Trâm K 07 (**bảy**) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (**hai**) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (**chín**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21-9-2023 đến ngày 27-10-2023).

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Gia T1 03 (**ba**) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21-9-2023 đến ngày 27-10-2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01-3-2024, Nguyễn Gia T1 kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 06-3-2024, Nguyễn Quỳnh Trâm K kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Quỳnh Trâm K và Nguyễn Gia T1 kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Quỳnh Trâm K giữ nguyên kháng cáo; Nguyễn Gia T1 thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin giảm hình phạt; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quỳnh Trâm K.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Gia T1.

- Sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt cho Nguyễn Quỳnh Trâm K.

Các bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quỳnh T3 Khanh tranh luận công khai; nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị được chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Do cần tiền để tiêu xài và trả nợ cá nhân, từ đầu năm 2019 đến tháng 4-2022, Nguyễn Quỳnh T3 Khanh nhiều lần đưa ra thông tin gian dối là mẹ chồng K đang có 01 suất mua căn hộ chung cư dành cho người có thu nhập thấp tại Dự án Chung cư A, thành phố Đà Nẵng bằng với giá và tiền lót tay như mẹ chồng K đã mua để

chị Nguyễn Ngọc Kim N tin là thật. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của chị N, K làm các tài liệu giả gồm: Các phiếu thu; thỏa thuận đặt cọc; hợp đồng mua bán nhà ở xã hội, kèm theo phụ lục; phụ lục thay đổi thông tin hợp đồng; biên bản bàn giao căn hộ, mạo danh Sàn giao dịch BĐS Đà Nẵng Công ty cổ phần Đ1 rồi sử dụng các tài liệu giả này đưa cho chị N; kết hợp với mạo danh người tên Nguyễn Thị T4 - Kế toán trưởng Công ty Đ; người tên Cao Trung H4 - Trưởng Ban quản lý dự án Công ty Đ để liên hệ với chị N; thông đồng với Nguyễn Gia T1 thông qua hình thức vay tiền, giúp K tạo tài khoản Zalo Trung H6 và sử dụng thông tin tài khoản Ngân hàng đứng tên người khác cung cấp cho chị N chuyển khoản rồi chiếm đoạt của chị N tổng số tiền là 967.900.000 đồng.

Ngoài ra, tháng 4-2022, Nguyễn Quỳnh T3 Khanh sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB737301 (thửa đất số 7, tờ bản đồ số 95, địa chỉ: Tổ A phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) được K đặt làm giả trên mạng Internet trước đó từ đối tượng không rõ lai lịch và viết Giấy vay tiền của chị Đặng Thị Cẩm H3 8.000.000 đồng rồi chiếm đoạt.

Nguyễn Gia T1 biết rõ hành vi của Nguyễn Quỳnh Trâm K, nhưng vẫn nhiều lần giúp sức tích cực K để cùng thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Ngọc Kim N với số tiền là 403.900.000 đồng.

Với các hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết án Nguyễn Quỳnh Trâm K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo các điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; kết án Nguyễn Gia T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về hình phạt:

Quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bị cáo có đủ nhận thức để đánh giá và phân biệt được việc làm của mình, nhưng chỉ vì mục đích tiêu xài và trả nợ cá nhân, các bị cáo đã cố tình phạm tội. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Quỳnh Trâm K còn sử dụng các tài liệu giả đặt mua trên mạng Internet như các phiếu thu; thỏa thuận đặt cọc; hợp đồng mua bán nhà ở xã hội, kèm theo phụ lục; phụ lục thay đổi thông tin hợp đồng; biên bản bàn giao căn hộ, mạo danh Sàn giao dịch BĐS Đà Nẵng Công ty cổ phần Đ1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng các tài liệu giả này đưa cho bị hại để chiếm đoạt tiền. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác; trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước về quản lý con dấu, tài liệu, mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Quỳnh Trâm K 09 năm tù (về hai tội), xử phạt Nguyễn Gia T1 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

Vụ án có hai bị cáo cùng phạm tội, nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc và câu kết chặt chẽ với nhau, do đó không thuộc trường hợp phạm tội “Có tổ chức”;

đồng thời, hành vi phạm tội của các bị cáo có từng thời điểm khác nhau, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét hành vi, đánh giá vai trò và hậu quả do các bị cáo gây ra để có mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo.

- Đối với Nguyễn Quỳnh Trâm K:

Bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội, lần thứ nhất lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Ngọc Kim N 967.900.000 đồng thông qua hình thức làm giả các tài liệu để chị N tin tưởng là bị cáo mua căn hộ chung cư cho chị N; lần thứ hai lừa đảo chiếm đoạt của chị Đặng Thị Cẩm H3 8.000.000 đồng thông qua hình thức cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền, do đó giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và tại phiên tòa phúc thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời, xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, được các bị hại có đơn xin giảm hình phạt; sau khi phạm tội đã tích cực giúp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ điều tra phát hiện, xử lý đường dây Đánh bạc và Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, được Cơ quan Cảnh sát điều tra có công văn đề nghị xem xét, giảm hình phạt; tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp được tài liệu thể hiện được Giám đốc Công an thành phố Đ khen thưởng vì có thành tích đột xuất trong phối hợp giúp lực lượng Công an kịp thời bắt giữ đối tượng “Cướp, cướp giết tài sản” xảy ra trên địa bàn quận L đêm ngày 27/4/2024 (sau khi xét xử sơ thẩm); gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, bố đẻ là thượng tá Công an, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương vì An ninh tổ quốc và hiện nay đang bị bệnh hiểm nghèo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính (có xác nhận của chính quyền địa phương). Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

- Đối với Nguyễn Gia T1:

Bị cáo là đồng phạm, tham gia với vai trò giúp sức, đã 06 lần giúp K chiếm đoạt của chị Nguyễn Ngọc Kim N 403.900.000 đồng, nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, số tiền chiếm đoạt không lớn; đồng thời, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp được tài liệu thể hiện gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính (có xác nhận của chính quyền địa phương), mẹ bị cáo bị bệnh, thường xuyên phải điều trị tại Bệnh viện (có bệnh án). Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí:

Do được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Quỳnh Trâm K và Nguyễn Gia T1.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 27-02-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quỳnh Trâm K và Nguyễn Gia T1.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Quỳnh Trâm K 05 (**năm**) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (**một**) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (**sáu**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21-9-2023 đến ngày 27-10-2023).

2.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Gia T1 02 (**hai**) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21-9-2023 đến ngày 27-10-2023).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyễn Quỳnh Trâm K và Nguyễn Gia T7 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường

